

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

*

Số 998 -CV/HU

*V/v góp ý dự thảo Quyết định và
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên
địa bàn tỉnh Lâm Đồng*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 12 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Đảng ủy Công an huyện.

Thực hiện Công văn số 730/CAT-PV01, ngày 04/6/2020 của Giám đốc Công an tỉnh về việc góp ý dự thảo Quyết định và Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sao gửi kèm).

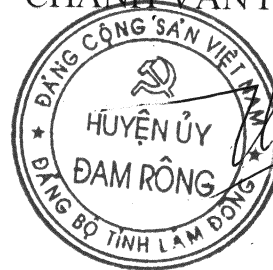
Thường trực Huyện ủy giao Đảng ủy Công an huyện nghiên cứu, tham mưu góp ý dự thảo Quyết định và Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trình Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy, kèm theo File word) **trước ngày 30/6/2020**

Trân trọng thông báo ý kiến của Thường trực Huyện ủy để các đồng chí biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như trên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Văn Thành

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 730 /CAT-PV01

V/v góp ý dự thảo Quyết định và
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Lâm Đồng;
- Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Các Huyện ủy, Thành ủy Đà Lạt và Bảo Lộc;
- UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc;
- Trung tâm quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng
(Sở Thông tin và Truyền thông).

Thực hiện Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh năm 2020, Công an tỉnh đã soạn thảo, xây dựng Dự thảo lần 2 Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Để đảm bảo việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Công an tỉnh đề nghị các cơ quan, tổ chức:

1. Tổ chức triển khai trong cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc tham gia ý kiến vào Dự thảo lần 2 Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (*dự thảo Quyết định, Quy chế gửi kèm Công văn này*).

2. Đề nghị Trung tâm quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng đăng toàn văn dự thảo Quyết định của UBND tỉnh và dự thảo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng trong thời gian 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến (dự thảo Quyết định và Quy chế, Công an tỉnh gửi kèm Công văn này và gửi qua địa chỉ hộp thư: bbt@lamdong.gov.vn). Các ý kiến góp ý gửi về Công an tỉnh (qua Phòng Tham mưu hoặc địa chỉ hộp thư: ca@lamdong.gov.vn).

Mọi ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đề nghị gửi bằng văn bản về Công an tỉnh (qua Phòng Tham mưu hoặc địa chỉ hộp thư: ca@lamdong.gov.vn) trước ngày 05/7/2020 để tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp của quý cơ quan, tổ chức./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PC-PV01.

GIÁM ĐỐC



Người ký: Công
an
Cơ quan: Tỉnh
Lâm Đồng
Chức vụ: Giám
đốc
Thời gian ký:
05.06.2020
11:23:55 +07:00

Đại tá Lê Vinh Quy

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Người đứng đầu các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; các cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc có trụ sở trên địa bàn tỉnh; Huyện ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Lâm Đồng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Công an (Cục An ninh chính trị nội bộ);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Lâm Đồng;
- TT Công báo, Công TTĐT tỉnh Lâm Đồng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO 2

QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước và trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; các cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc có trụ sở trên địa bàn tỉnh; Huyện ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Lâm Đồng và cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Quan hệ phối hợp trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

1. Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Lâm Đồng giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh

2. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh (Công an tỉnh) là cơ quan đầu mối chủ trì công tác phối hợp bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức thường xuyên phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Chương II

CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 4. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước

Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sau đây viết gọn là Nghị định số 26/2020/NĐ-CP) và được thực hiện như sau:

1. Căn cứ danh mục bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; lập bảng kê danh mục bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý gửi đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Công an tỉnh.

2. Tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước

a) Người tiếp nhận phải báo cáo bằng văn bản cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức và đề xuất chuyển đến đơn vị có chức năng xử lý hoặc phân công người xử lý;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức gửi văn bản kèm thông tin cho đơn vị có chức năng xử lý hoặc ra quyết định phân công người xử lý thông tin.

3. Người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước; người được giao xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước phải làm Phiếu đề xuất xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước hoặc văn bản xác định độ mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động chứa bí mật nhà nước gửi người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt.

4. Sau khi được người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt Phiếu đề xuất xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước thì người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước; người được giao xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước phải tạo dấu chỉ độ mật trên văn bản điện tử, đóng dấu độ mật trên văn bản giấy theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (sau đây viết gọn là Thông tư số 24/2020/TT-BCA).

Điều 5. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP và được thực hiện như sau:

1. Cơ quan, tổ chức cần sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước đề nghị sao, chụp; văn bản đề nghị gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên, loại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước cần sao, chụp;
- b) Mục đích sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sao, chụp;
- c) Yêu cầu sao hoặc chụp hoặc cả sao, chụp; hình thức sao;
- d) Số lượng bản sao, chụp;
- đ) Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp;
- e) Thời gian sao, chụp;
- g) Người đại diện cơ quan, tổ chức đến liên hệ sao, chụp;
- h) Nội dung khác (nếu có).

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức cần sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước xử lý như sau:

- a) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không được phép sao, chụp thì trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đã đề nghị;
- b) Trường hợp thuộc thẩm quyền của mình thì ra quyết định phân công người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước hoặc người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước nghiên cứu, đề xuất việc sao, chụp;
- c) Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì làm văn bản báo cáo đề xuất người có thẩm quyền quyết định việc cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; nếu người có thẩm quyền không cho phép sao, chụp thì thực hiện theo điểm a khoản này; nếu người có thẩm quyền cho phép sao, chụp thì thực hiện theo điểm b khoản này.

3. Người được phân công nghiên cứu, đề xuất việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải làm Phiếu đề xuất gửi người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phân công.

4. Việc đóng dấu sao tài liệu bí mật nhà nước; ghi nhận việc chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

Điều 6. Giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Việc giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 4 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

Trường hợp phát hiện tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gửi đến có dấu hiệu bóc, mở phong bì hoặc bị tráo đổi, mất, hư hỏng thì người nhận phải lập biên bản có sự tham gia của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước, người chứng kiến; đồng thời, phải thông báo cho nơi gửi biết để phối hợp xử lý.

Điều 7. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ

Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 5 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

Trường hợp phát hiện bí mật nhà nước bị lộ, bị mất trong thời gian mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ thì trường đoàn công tác phải lập biên bản sự việc ngay khi người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước báo cáo; nếu người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi công tác một mình thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức lập biên bản ghi nhận sự việc và yêu cầu người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước báo cáo bằng văn bản.

Điều 8. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước

Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Điều 6 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP và được thực hiện như sau:

1. Trước khi tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp phải báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng nội dung bí mật nhà nước trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước phải có văn bản đề nghị Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn các phương tiện, thiết bị trước khi lắp đặt ở nơi tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

Trường hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp ở ngoài trụ sở làm việc thì văn bản phải có thêm nội dung đề nghị Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn trong và ngoài khu vực diễn ra hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

3. Đối với hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước độ Tuyệt mật; người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp phải có văn bản đề nghị Công an tỉnh bố trí lực lượng canh gác, bảo vệ bên ngoài theo phương án bảo vệ hội nghị, hội thảo, cuộc họp và có biện pháp kiểm tra an ninh, an toàn đối với người tham dự.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 9. Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ra quyết định phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, cụ thể như sau:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công 01 cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; các cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc có trụ sở trên địa bàn tỉnh; Huyện ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước tại văn phòng hoặc đơn vị hành chính, tổng hợp;

c) Công an tỉnh bố trí cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách và kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

3. Cơ quan, tổ chức gửi danh sách người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Công an tỉnh để theo dõi, quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Lâm Đồng

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Tổ chức thực hiện Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.
3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ bí mật nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.
4. Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.
5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.
6. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý, Công an tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để tổ chức thực hiện:

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh. Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

3. Tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; đảm bảo áp dụng thống nhất, đồng bộ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức kiểm tra an ninh, an toàn các phương tiện, thiết bị, nơi tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; bố trí lực lượng canh gác, bảo vệ, kiểm tra người tham dự theo đề nghị của cơ quan, tổ chức chủ trì hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

5. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức bảo vệ bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thuộc chức năng, thẩm quyền.

7. Chủ động nắm tình hình về an ninh, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, điều tra, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ bí mật nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân viên trong cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

3. Ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức.

4. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật và quy chế, nội quy về bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức.

5. Lập sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước; sổ đăng ký bí mật nhà nước đến, sổ đăng ký bí mật nhà nước đi, sổ chuyển giao bí mật nhà nước theo mẫu quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Chế độ báo cáo, thống kê

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo sơ kết công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP; đồng thời, thống kê bí mật nhà nước theo mẫu quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

2. Thời hạn gửi báo cáo hàng năm: Các cơ quan, tổ chức gửi báo cáo sơ kết một năm và thống kê bí mật nhà nước cho Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh (Công an tỉnh) chậm nhất vào ngày 17 tháng 12 của năm báo cáo.

Điều 14. Biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Báo cáo về việc tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước: Mẫu số 01.

2. Quyết định phân công người xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước: Mẫu số 02.

3. Phiếu đề xuất xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước: Mẫu số 03.

4. Quyết định phân công người nghiên cứu, đề xuất việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước: Mẫu số 04.

5. Phiếu đề xuất sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước: Mẫu số 05.

6. Quyết định phân công người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách (kiêm nhiệm) bảo vệ bí mật nhà nước: Mẫu số 06.

7. Danh sách người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước: Mẫu số 07.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Công an tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này. Tổng hợp, đánh giá tình hình tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Lâm Đồng (qua Công an tỉnh) để tập hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)

.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về việc tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước,
nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước**

Kính gửi (3):

Cơ quan, tổ chức (1):

Nội dung tiếp nhận thông tin (4):

.....

Tên tài liệu chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước:

.....

Thông tin (5):

.....

Căn cứ xác định thông tin (6):

Thời gian tiếp nhận: Ngày tháng năm

Người tiếp nhận thông tin (7):

Đề xuất xử lý (8):

**Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
tiếp nhận thông tin**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người báo cáo

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức tiếp nhận thông tin.
- (2) Tên đơn vị trực tiếp quản lý người tiếp nhận thông tin.
- (3) Họ tên, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức tiếp nhận thông tin.
- (4) Ghi tóm tắt nội dung liên quan đến việc tiếp nhận thông tin, nguồn gốc thông tin.
- (5) Ghi rõ tên loại thông tin tiếp nhận theo danh mục bí mật nhà nước.
- (6) Ghi rõ điểm, khoản, điều, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành danh mục bí mật nhà nước.
- (7) Ghi rõ họ tên, chức vụ của người tiếp nhận thông tin.
- (8) Ghi rõ chuyển đơn vị nào hoặc giao cho người nào xử lý.

MẪU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công người xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước,
nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước**

Căn cứ (3):

.....

Tôi (4):

Cơ quan, tổ chức (2):

Phân công (5):

.....

Có trách nhiệm: Nghiên cứu, đề xuất xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

Thời hạn hoàn thành (6):

Người ra quyết định

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản.

(2) Tên cơ quan, tổ chức ra quyết định phân công xử lý thông tin.

(3) Ghi rõ số, ngày, tháng, năm Báo cáo về việc tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước hoặc văn bản chuyển thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ của người ra quyết định.

(5) Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của người được phân công.

(6) Ghi rõ ngày, tháng, năm hoàn thành việc đề xuất xử lý.

MẪU SỐ 03

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PĐX

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Xác định bí mật nhà nước

Căn cứ (3):

Đề nghị (4):

Cơ quan, tổ chức (1):

Xác định bí mật nhà nước đối với (5):

.....

Độ mật (6):

Căn cứ xác định bí mật nhà nước và độ mật (7):

.....

Thời gian xác định bí mật nhà nước: Ngày tháng năm

Nơi nhận:

Số lượng bản phát hành:

Được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước:

Người soạn thảo, tạo ra hoặc được phân công xử lý thông tin (8):

.....

Lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý

người xác định bí mật nhà nước

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người đề xuất

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức

xác định bí mật nhà nước

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước.
- (2) Tên đơn vị trực tiếp quản lý người đề xuất xác định bí mật nhà nước.
- (3) Quyết định phân công người xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước hoặc văn bản phân công, giao soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.
- (4) Ghi rõ họ tên, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước.
- (5) Ghi rõ tên thông tin, tài liệu đề xuất xác định bí mật nhà nước.
- (6) Trường hợp tài liệu chứa nhiều thông tin có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.
- (7) Ghi rõ điểm, khoản, điều, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành danh mục bí mật nhà nước.
- (8) Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của người soạn thảo, tạo ra hoặc được phân công xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

MẪU SỐ 04

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công người nghiên cứu, đề xuất việc sao, chụp
tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

Căn cứ (3):

Tôi (4):

Cơ quan, tổ chức (1):

Phân công (5):

Có trách nhiệm: Nghiên cứu, đề xuất hình thức, địa điểm, phương tiện,
thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

Thời hạn hoàn thành (6):

Người ra quyết định

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan, tổ chức ra quyết định phân công xử lý thông tin.
- (3) Ghi rõ số, ngày, tháng, năm văn bản đề nghị sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức đề nghị.
- (4) Ghi rõ họ tên, chức vụ của người ra quyết định.
- (5) Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của người được phân công.
- (6) Ghi rõ ngày, tháng, năm hoàn thành việc nghiên cứu, đề xuất.

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)

.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PĐX

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Căn cứ (3):

Đề nghị (4):

Cơ quan, tổ chức (1):

Cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (5):

.....

Số bản sao, chụp:

Hình thức sao, chụp (6):

Địa điểm thực hiện việc sao, chụp:

Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp:

Thời gian thực hiện việc sao, chụp (7):

Người thực hiện việc sao, chụp (8):

.....

**Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
trực tiếp quản lý bí mật nhà nước**
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người đề xuất
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.
- (2) Tên đơn vị trực tiếp quản lý người đề xuất việc sao, chụp.
- (3) Quyết định phân công người nghiên cứu, đề xuất việc sao, chụp.
- (4) Họ tên, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.
- (5) Ghi rõ tên tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đề xuất sao, chụp.
- (6) Ghi rõ hình thức: sao y bản chính, sao lục, trích sao, chụp.
- (7) Ghi rõ thời gian thực hiện việc sao, chụp từ khi nào đến khi nào.
- (8) Họ tên, chức vụ, đơn vị của người thực hiện việc sao, chụp.

MẪU SỐ 06

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách,
kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước**

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Tôi (3):

Cơ quan, tổ chức (2):

Phân công (4):

.....

Thực hiện nhiệm vụ (5) bảo vệ bí mật nhà nước tại (2) ...

..... kể từ ngày tháng năm

Người ra quyết định

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan, tổ chức ra quyết định phân công.
- (3) Họ tên, chức vụ của người ra quyết định phân công.
- (4) Họ tên, chức vụ, đơn vị của người được phân công.
- (5) Ghi rõ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

MẪU SỐ 07

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

.....(1)
.....(2)

Số: /DS-

....., ngày tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước

Số TT	Họ tên	Năm sinh	Giới tính	Quê quán	Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chuyên trách, kiêm nhiệm	Ghi chú
1										
2										
3										

Người lập danh sách
(ký, ghi rõ họ tên)

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
(2) Tên cơ quan, tổ chức ra quyết định phân công.